

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 171/2023/QĐST-DS

Quận Hai Bà Trưng, ngày 07 tháng 12 năm
2023

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày 07/02/2023 về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1 (B)

Trụ sở chính: Số A phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Việt N – Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 1 - Ngân hàng TMCP Đ1.

Trụ sở: Số A phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đ1 về việc ủy quyền tham gia tố tụng);

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng, thi hành án:

1. Ông **Lê Văn Đ** – Phó Giám đốc Chi nhánh **Sở G** - **Ngân hàng TMCP Đ1**;
2. Bà **Phạm Minh H** – Trưởng phòng Khách hàng cá nhân 1;
3. Ông **Nguyễn Tiến D** – Phó Trưởng phòng KHCN1;
4. Ông **Mai Ngọc H1** – Chuyên viên phòng Khách hàng CN1;
5. Ông **Nguyễn Thế T1** – Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro 1

(Quyết định số **2237/QĐ-BIDV.SGD1** ngày 11/4/2023 của **Ngân hàng TMCP Đ1** – Chi nhánh **Sở G**);

- **Bị đơn**: Bà **Ngô Thị L** – sinh năm 1982; HKTT và nơi ở: **P. G, chung cư L, đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đông Thị Thúy T2** – sinh năm 1970; HKTT: **Tổ A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;**

Ông **Phạm Quốc H2** – sinh năm 1981; HKTT và nơi ở: **P. G, chung cư L, đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.**

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông **Lê Cao N1** – sinh năm 1993; HKTT: **Tổ dân phố D, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ tín dụng: Xác định tính đến hết ngày 28/11/2023, bà **Ngô Thị L** và ông **Phạm Quốc H2** còn nợ **B** SGD1 tổng số tiền là: 3.390.927.619 đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ, ba trăm chín mươi triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm mười chín đồng*), trong đó: Dư nợ gốc: 2.286.100.000 đồng; lãi lũy kế chưa trả (dư nợ lãi): 882.015.893 đồng; lãi phạt trên dư nợ gốc quá hạn (phạt nợ gốc quá hạn): 39.988.629 đồng; lãi phạt trên dư nợ lãi quá hạn (lãi phạt chậm trả lãi): 182.823.098 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283516/HĐTD ngày 14/03/2018 giữa bà **Ngô Thị L** - ông **Phạm Quốc H2** và **B** SGD1.

2. Về phương án và thời hạn trả nợ: Bà **Ngô Thị L** và ông **Phạm Quốc H2** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền trên và lãi và phí phát sinh đến ngày thực tế tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283516/HĐTD ký ngày 14/03/2018 giữa bà **Ngô Thị L** - ông **Phạm Quốc H2** và **B** SGD1, chậm nhất vào ngày 28/02/2024.

Trường hợp bà **L** và ông **H2** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với **B** SGD1, **B** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, cưỡng chế, xử lý/ phát mại các tài sản bảo đảm để ưu tiên thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của bà **L** và ông **H2** tại **B** SGD1.

Thông tin biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm như sau: Toàn bộ nghĩa vụ của bà **L** và ông **H2** tại **B** SGD1 hiện được bảo đảm bằng căn hộ chung cư

thế chấp số G - Chung cư L đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp bất động sản số công chứng 000528.2018/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/03/2018 ký giữa bên thế chấp là khách hàng Bà Ngô Thị L và ông Phạm Quốc H2 với Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh Sở G. Tài sản thế chấp: Căn hộ chung cư S - Chung cư L đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 555503; số vào sổ cấp GCN: CS 10786 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 12/03/2018. Chủ sở hữu/Bên thế chấp: Bà Ngô Thị L và ông Phạm Quốc H2. Phạm vi bảo đảm: Toàn bộ nghĩa vụ của bà Ngô Thị L và ông Phạm Quốc H2 tại Ngân hàng. Biện pháp bảo đảm được đăng ký ngày: 19/03/2018.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mại/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của bà L và ông H2 tại Ngân hàng, bà L và ông H2 chịu trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng bằng các tài sản khác của mình.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự, những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống tại căn hộ chung cư S - Chung cư L đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về án phí: Bị đơn là bà Ngô Thị L và ông Phạm Quốc H2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 49.909.276 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi chín triệu, chín trăm linh chín nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ1 (B) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.295.114 đồng (Bằng chữ: *Bốn mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm mười bốn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0013195 ngày 07/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Hoàng Phương